

Số: 157/KH-TTYT

An Biên, ngày 19 tháng 8 năm 2019

KẾ HOẠCH

Triển khai Chiến dịch tăng cường tuyên truyền, vận động, lồng ghép dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản kế hoạch hóa gia đình đến vùng biển, đảo và ven biển năm 2019

Căn cứ vào Quyết định số 119/QĐ-TTYT ngày 13/3/2019 của Trung tâm Y tế huyện An Biên về việc giao chỉ tiêu kế hoạch năm 2019;

Căn cứ vào tình hình thực tế của địa phương, nay Trung tâm Y tế huyện An Biên xây dựng kế hoạch triển khai Chiến dịch tăng cường tuyên truyền, vận động lồng ghép dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản, kế hoạch hóa gia đình (CSSKSS/KHHGD) đến vùng biển, đảo và ven biển năm 2019 như sau:

I. Thông tin chung:

Số TT	Nội dung	Toàn huyện	Địa bàn chiến dịch
1	Tổng số xã/thị trấn	9	8
2	Tổng số ấp, khu phố	74	68
3	Dân số:	133.758	121.620
4	Số phụ nữ 15-49 tuổi	39.341	36.086
5	Số phụ nữ 15-49 tuổi có chồng	23.022	20.890
6	Số cặp vợ chồng đang sử dụng BPTT hiện đại (cặp)	17.411	15.818

II. Mục tiêu:

Nâng cao nhận thức của cộng đồng về SKSS/KHHGD, huy động các cấp, các ngành, đoàn thể tăng cường tuyên truyền vận động, hỗ trợ nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ chăm sóc SKSS/KHHGD góp phần thực hiện đạt chỉ tiêu kế hoạch Dân số - KHHGD năm 2019, cụ thể:

1. Triển khai thực hiện chiến dịch tại 8 xã gồm 68 ấp (Không triển khai ở Thị Trấn Thứ 3).

2. Đảm bảo thực hiện cơ bản các chỉ tiêu kế hoạch năm 2019 tại các xã triển khai về đạt dụng cụ tử cung đạt từ 40% trở lên, về dịch vụ chăm sóc SKSS/KHHGD đạt từ 40% trở lên.

3. Cung cấp thông tin về SKSS/KHHGD và các dịch vụ dân số cho các cặp vợ chồng trong độ tuổi sinh sản, vị thành niên và thanh niên đồng thời tổ chức các hoạt động truyền thông nâng cao chất lượng dân số phù hợp với từng địa phương.

III. Tổ chức thực hiện:

1. Tại huyện:

Phòng Dân số - TTGDSK phối hợp với Khoa chăm sóc SKSS xây dựng kế hoạch trình Trung tâm Y tế huyện phê duyệt, tổ chức triển khai, phân công thành viên BCD để chỉ đạo các xã thực hiện chiến dịch.

Hướng dẫn viên chức Dân số xã và cộng tác viên lập danh sách các đối tượng tham gia đăng ký thực hiện các dịch vụ chăm sóc SKSS/KHHGD.

2. Tại xã:

Căn cứ hướng dẫn thực hiện kế hoạch chiến dịch của huyện, Trạm Y tế xã phân bổ chỉ tiêu cụ thể cho các ấp thực hiện.

Chuẩn bị trang thiết bị, địa điểm, tài liệu truyền thông, phương tiện tránh thai, cung cấp kịp thời cho các địa bàn thực hiện chiến dịch.

Huy động tối đa các phương tiện vận chuyển của địa phương và của dân để tham gia đưa rước đối tượng đến điểm cung cấp dịch vụ. Tăng cường sự phối hợp giữa các ngành, đoàn thể của xã, áp thông qua việc lồng ghép các hình thức tuyên truyền, vận động cho chiến dịch. Phối hợp văn hóa thông tin xã sử dụng các phương tiện truyền thông trên từng địa bàn để phục vụ chiến dịch.

Tham mưu cho lãnh đạo phân bổ chỉ tiêu cụ thể tới khu phố, ấp, tổ nhân dân tự quản, lấy việc hoàn thành chỉ tiêu chiến dịch làm tiêu chí thi đua và khen thưởng cuối năm.

3. Tuyên truyền vận động:

Trạm Y tế tham mưu UBND xã quan tâm, chỉ đạo các ngành có liên quan phối hợp thực hiện:

Tuyên truyền trên các kênh truyền thông của huyện, xã về CSSKSS/KHHGD, nâng cao chất lượng dân số.

Tăng cường sự phối hợp giữa các ban ngành, đoàn thể, nhất là Hội Nông dân, Hội Liên hiệp phụ nữ, Đoàn Thanh niên thông qua việc lồng ghép tuyên truyền vận động đúng đối tượng.

Tổ chức truyền thông tại cộng đồng nhằm chuyển tải những thông điệp đến các nhóm đối tượng thông qua nói chuyện chuyên đề, tư vấn nhóm nhỏ; khẩu hiệu tuyên truyền, tờ rơi...(các buổi tư vấn cộng đồng, nói chuyện chuyên đề, họp nhóm...phải đảm bảo đúng đối tượng), đặc biệt coi trọng hệ thống truyền thanh xã trong tuyên truyền, vận động.

4. Tổ chức các đội dịch vụ chăm sóc SKSS/KHHGD lưu động:

Tổ chức đội dịch vụ KHHGD lưu động của huyện thực hiện tư vấn, cung cấp các dịch vụ, khám và điều trị nhiễm khuẩn đường sinh sản, các dịch vụ chăm sóc sức khỏe bà mẹ trẻ em và các dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản khác cho nhóm đối tượng đặc thù tại các xã trong thời gian triển khai chiến dịch.

Chuẩn bị cơ sở vật chất, thuốc thiết yếu, nhân lực phục vụ chiến dịch, đồng thời chỉ đạo, hướng dẫn các Trạm Y tế xây dựng phương án đảm bảo đầy đủ các điều kiện để đáp ứng kịp thời cho kế hoạch trong thời gian triển khai.

IV. Tổ chức thực hiện:

1. Địa bàn triển khai:

Chiến dịch tăng cường tuyên truyền, vận động lồng phép dịch vụ chăm sóc SKSS/KHHGD năm 2019 được thực hiện tại 68 ấp của 8 xã trong toàn huyện.

2. Thời gian triển khai:

Thời gian tổ chức chiến dịch từ ngày 04/9/2019 và kết thúc ngày 5/10/2019.

Thời gian tổ chức 2 ngày cao điểm của các xã:

STT	Tên đơn vị	Thời gian tổ chức 2 ngày cao điểm	Ghi chú
1	Trạm Y tế Nam Thái A	Ngày 4-5/9/2019	
2	Trạm Y tế Hưng Yên	Ngày 11-12/9/2019	
3	Trạm Y tế Nam Yên	Ngày 18-19/9/2019	
4	Trạm Y tế Đông Yên	Ngày 20-21/9/2019	
5	Trạm Y tế Nam Thái	Ngày 25-26/9/2019	
6	Trạm Y tế Tây Yên A	Ngày 27-28/9/2019	
7	Trạm Y tế Đông Thái	Ngày 2-3/10/2019	
8	Trạm Y tế Tây Yên	Ngày 4-5/10/2019	

3. Chỉ tiêu:

STT	Nội dung	Thực hiện
I	Gói dịch vụ kế hoạch hóa gia đình	
1	Đặt dụng cụ tử cung	350
2	Thuốc tiêm	100
3	Thuốc uống	600
II	Gói dịch vụ CSSKSS	
1	Khám phụ khoa	1.600
2	Điều trị phụ khoa	1.120
3	Siêu âm thai	160

4. Kinh phí triển khai chiến dịch:

Chi tiết xem bảng phụ lục phân bổ kinh phí chiến dịch (Phụ lục 1).

V. Kiểm tra, giám sát và báo cáo:

1. Tổ chức kiểm tra, giám sát:

Phòng Dân số - TTGDSK thực hiện kiểm tra, giám sát trước, trong, sau chiến dịch (có bảng phân công thành viên giám sát riêng).

Nội dung kiểm tra giám sát tập trung vào công tác chuẩn bị, tiến độ triển khai các hoạt động, chất lượng dịch vụ và kết quả dịch vụ đến thời điểm kiểm tra giám sát.

Trạm Y tế các xã xây dựng kế hoạch và phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức giám sát trước, trong, sau chiến dịch tại 100% số ấp triển khai. Tập trung vào công tác chuẩn bị, đặc biệt là chuẩn bị các điều kiện để triển khai dịch vụ tại Trạm Y tế, tổ chức tuyên truyền vận động đối tượng, tiến độ triển khai các hoạt động, chất lượng dịch vụ và kết quả dịch vụ, phát hiện những khó khăn, vướng mắc của xã để hỗ trợ xử lý.

2. Thống kê, báo cáo:

Trạm Y tế các xã xây dựng báo cáo và làm đầu mối thu thập thông tin, thống kê, tổng hợp báo cáo chiến dịch của xã gửi về huyện khi kết thúc chiến dịch theo quy định.

Việc triển khai Chiến dịch tăng cường tuyên truyền, vận động lòng phép dịch vụ chăm sóc SKSS/KHHGD đến vùng biển, đảo và ven biển năm 2019 là một trong những hoạt động thiết thực nhằm thực hiện thắng lợi các chỉ tiêu kế hoạch công tác Dân số - KHHGD của huyện, góp phần thực hiện thắng lợi Chiến lược Dân số và Sức khỏe sinh sản của huyện giai đoạn 2016-2020.

Trạm Y tế các xã tổng hợp báo cáo chiến dịch gửi về Phòng Dân số - TTGDSK hạn chót ngày 10/10/2019.

Trên đây là Kế hoạch triển khai Chiến dịch tăng cường tuyên truyền, vận động lòng ghép dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản, kế hoạch hóa gia đình (CSSKSS/KHHGD) đến vùng biển, đảo và ven biển năm 2019. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có gì vướng mắc liên hệ qua số điện thoại 02973.881361 để phối hợp giải quyết. *[Chữ ký]*

Nơi nhận:

- CC DS-KHHGD tỉnh;
- BGD TT Y tế huyện;
- Phòng KHNV;
- Phòng KTTC;
- Khoa CSSKSS;
- Trạm Y tế xã;
- Lưu: VT, lttthuy.





**BẢNG PHÂN BỐ CHỈ TIÊU VÀ KINH PHÍ THỰC HIỆN
CHIẾN DỊCH TRUYỀN THÔNG LỒNG GHÉP DỊCH VỤ CSSKSS/KHHGD VÙNG BIỂN ĐẢO VÀ VEN BIỂN NĂM 2019**

ĐVT: đồng

STT	Đơn vị	Chỉ tiêu thực hiện chiến dịch			Kinh phí thực hiện chiến dịch truyền thông lồng ghép dịch vụ.					Cộng
		Số ca khám phụ khoa	Số ca điều trị phụ khoa (70% x số ca khám PK)	Siêu âm thai	Thuốc điều trị phụ khoa	Siêu âm thai 49.000đ/ca	Hỗ trợ đội dịch vụ lưu động 500.000đ/xã (xăng xe + lưu trú...)	Khám phụ khoa (5.000đ/ ca : công khám+ vật tư tiêu hao	Tổ chức thực hiện chiến dịch (700.000đ : băngrol = 250.000đ + nước uống=10.000đ/ người/xã+tài liệu=150.000đ/xã)	
1	Hưng Yên	190	133	19	1.729.000	931.000	500.000	950.000	700.000	4.810.000
2	Tây Yên	195	137	20	1.781.000	980.000	500.000	975.000	700.000	4.936.000
3	Tây Yên A	180	126	18	1.638.000	882.000	500.000	900.000	700.000	4.620.000
4	Nam Thái	210	147	21	1.911.000	1.029.000	500.000	1.050.000	700.000	5.190.000
5	Nam Thái A	170	119	17	1.547.000	833.000	500.000	850.000	700.000	4.430.000
6	Nam Yên	205	144	21	1.872.000	1.029.000	500.000	1.025.000	700.000	5.126.000
7	Đông Yên	188	132	19	1.716.000	931.000	500.000	940.000	700.000	4.787.000
8	Đông Thái	262	182	25	2.366.000	1.225.000	500.000	1.310.000	700.000	6.101.000
Tổng cộng:		1.600	1.120	160	14.560.000	7.840.000	4.000.000	8.000.000	5.600.000	40.000.000